

Số: /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ điểm g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

“9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

...

g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương”

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-TTHĐND ngày 23/10/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao, trong đó gồm Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Thông báo số 2552/TB-VPQH ngày 16 tháng 7 năm 2025 kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và

định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026, trong đó thống nhất kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026, không ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trong đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp:

“1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.”

Hiện nay việc thực hiện định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên của tỉnh Khánh Hòa sau hợp nhất đang thực hiện ổn định trong năm 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 và trên cơ sở các Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024) của HĐND tỉnh Khánh Hòa (cũ), Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 và Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024) của HĐND tỉnh Ninh Thuận (cũ). Để đảm bảo cơ sở cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh áp dụng thống nhất các chế độ, chính sách chi đặc thù trên địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa từ năm 2026 trong điều kiện thực tế hiện nay; UBND tỉnh nhận thấy cần thiết phải trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới nhằm xác định lại và áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thống nhất áp dụng một hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ năm 2026.

- Tiệm cận định mức phân bổ chi thường xuyên của các cơ quan, địa phương của tỉnh Ninh Thuận (cũ) bằng với định mức của tỉnh Khánh Hòa (cũ) nhằm tăng tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát sinh phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy cơ quan, hạn chế bổ sung ngoài dự toán.

- Quy định hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên giảm từ 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) còn 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn toàn tỉnh; ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, hải đảo.

- Kế thừa hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2023-2025 tại Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024) của HĐND tỉnh Khánh Hòa (cũ) và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, tiêu chí cho phù hợp với thực tế.

- Phù hợp khả năng cân đối của ngân sách địa phương năm 2026.

- Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

- Đối với chỉ tiêu dân số lấy theo số liệu của Thống kê tỉnh Khánh Hòa. Dân số toàn tỉnh năm 2024 để tính dự toán chi ngân sách địa phương là 1.898.547 người. Đối với các chỉ tiêu còn lại được lấy trên cơ sở văn bản cấp có thẩm quyền phê duyệt: học sinh, sinh viên, học viên, giường bệnh, biên chế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Tại Quyết định số 13/QĐ-TTHĐND ngày 23/10/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề nghị xây dựng Nghị

quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và giao Sở Tài chính là cơ quan chủ trì soạn thảo.

Ngày 31/10/2024, Sở Tài chính có công văn số 5076/STC-KTNS gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương và đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến về tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Đến thời điểm tổng hợp có 13/58 ý kiến thống nhất bằng văn bản, 45/58 có ý kiến góp ý và 0/58 ý kiến góp ý từ Cổng Thông tin điện tử tỉnh. Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 235/BC-STP ngày 02/12/2025 thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 22 Điều như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh trật tự

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

Điều 12. Định mức phân bổ chi chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp

Điều 13. Khoản kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp và các đối tượng hợp đồng lao động (gồm các khoản bảo hiểm, đóng góp) tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và các đơn vị sự nghiệp y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường)

Điều 14. Đối với Trung tâm học tập cộng đồng; Trung tâm Văn hóa thể thao cấp xã; Trung tâm học tập cộng đồng – Văn hóa thể thao cấp xã

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

Điều 18. Chi thường xuyên khác ngân sách

Điều 19. Định mức dự phòng ngân sách

Điều 20. Quỹ Dự trữ tài chính

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Điều 22. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản

* Định mức phân bổ được phân thành 06 nhóm như sau:

- Định mức phân bổ theo chỉ tiêu dân số: sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp phát thanh truyền hình; sự nghiệp thể dục thể thao; sự nghiệp đảm bảo xã hội; an ninh trật tự; quốc phòng. Đối với các xã miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân bổ thêm từ 10%-100% định mức phân bổ theo dân số.

- Định mức phân bổ theo đối tượng quản lý: sự nghiệp giáo dục; sự nghiệp đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp y tế; quản lý hành chính nhà nước, đảng và các tổ chức chính trị - xã hội; định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với các xã miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân bổ thêm từ 10%-70% định mức phân bổ theo dân số.

- Định mức phân bổ theo dự toán Bộ Tài chính: sự nghiệp khoa học công nghệ;

- Định mức phân bổ theo số tiền tuyệt đối: sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế

- Định mức phân bổ theo tỷ lệ % của tổng chi thường xuyên: chi khác.

- Định mức phân bổ theo tỷ lệ % tổng chi ngân sách địa phương: dự phòng chi ngân sách.

Cụ thể:

3.1. Định mức chi sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp phát thanh truyền hình

Định mức phân bổ theo dân số đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	8.100
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	9.300
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	11.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	12.500
5. Dân số dưới 15.000 người	15.000

3.2. Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo dân số đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	6.200
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	6.700
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	7.900
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	8.300
5. Dân số dưới 15.000 người	10.000

3.3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Định mức phân bổ theo dân số đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	62.000
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	67.000
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	77.000
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	83.000
5. Dân số dưới 15.000 người	162.000

3.4. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh trật tự

a) Chi quốc phòng

Định mức phân bổ theo dân số đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	25.300
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	30.500
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	47.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	53.000
5. Dân số dưới 15.000 người	70.000

b) Chi an ninh trật tự

Định mức phân bổ theo dân số đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	19.200
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	21.700
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	32.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	38.600
5. Dân số dưới 15.000 người	43.000

3.5. Định mức chi sự nghiệp giáo dục:

Định mức phân bổ theo số học sinh như sau:

STT	Tiêu chí phân bổ	Số tiền (ngàn đồng/học sinh/năm)
1	Nhà trẻ, mẫu giáo	2.050
2	Tiểu học	1.054
3	Trung học cơ sở	1.051
4	Trung học phổ thông	1.051
5	Trung học phổ thông chuyên	1.930
6	Giáo dục hướng nghiệp	220
7	Giáo dục thường xuyên	840

Ngoài định mức theo số học sinh, bổ sung thêm định mức phân bổ đối với kinh phí tổ chức các hoạt động chung của ngành giáo dục các xã, phường: 200 triệu đồng/địa phương.

3.6. Định mức chi sự nghiệp y tế:

a) Hệ điều trị:

Phân bổ, giao dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần

chi thường xuyên bao gồm:

- Kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở của bộ phận gián tiếp của cơ sở y tế (nhóm công việc theo vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, chuyên môn dùng chung của cơ sở y tế: văn thư, hành chính, ...) trong tổng biên chế được giao của đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Khi ngành y tế tính đầy đủ chi phí khám chữa bệnh theo lộ trình kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh thì điều chỉnh giảm dự toán ngân sách cấp theo đúng quy định. Đối với các cơ sở khám chữa bệnh có số thu không đủ chi, sau khi xác định chênh lệch thu chi, ngân sách nhà nước cấp bù phần thiếu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

Định mức không bao gồm kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định; kinh phí mua sắm thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

b) Hệ dự phòng

Tính theo định mức dân số, mức phân bổ: 59.000 đồng/người dân/năm.

Định mức bao gồm lương và phụ cấp ưu đãi ngành, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở (1,49 triệu đồng/tháng), chi bộ máy quản lý; đảm bảo chi cơ sở thuốc phòng, chống dịch bệnh thường xuyên tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

c) Y tế xã

Phân bổ, giao dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, bao gồm:

- Kinh phí tiền lương và phụ cấp ưu đãi ngành, các khoản đóng góp theo mức tiền lương cơ sở, phụ cấp y tế thôn bản của cán bộ y tế của Trạm y tế xã, phường (bao gồm các điểm trạm là tổ chức trực thuộc Trạm y tế cấp xã); định mức để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Đối với công tác tuyên truyền, huy động các lực lượng để phòng chống dịch

sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và cấp xã.

d) Đối với hoạt động của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình: phân bổ theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên.

3.7. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính bằng mức Thủ tướng Chính phủ giao.

3.8. Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp:

3.8.1. Đối với cấp tỉnh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
1. Đối với các sở, ban, ngành	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800
2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

b) Đối với cơ quan Đảng

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

c) Đối với các tổ chức chính trị - xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ)

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp

Kinh phí hoạt động của người làm việc theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao theo định mức 45 triệu đồng/người/năm.

3.8.2. Đối với các xã, phường (gọi chung là cấp xã)

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã: Định mức phân bổ cho cán bộ, công chức bình quân 54 triệu đồng/biên chế/năm. Đối với các xã miền núi, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và các địa phương có khoảng cách xa trung tâm hành chính của tỉnh được phân bổ thêm 15% định mức chi.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách: Định mức phân 26 triệu đồng/người/năm.

- Chi chế độ, chính sách cấp xã: định mức phân bổ 1.811 triệu đồng/xã/năm. Đối với các xã, phường có số thôn, tổ dân phố lớn hơn 10 thì ngân sách phân bổ số kinh phí cho số thôn, tổ dân phố tăng thêm với mức 72 triệu đồng/thôn, tổ dân phố.

3.8.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp:

Định mức không bao gồm chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (đối với biên chế sự nghiệp được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).

Đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo một phần kinh phí: định mức phân bổ theo biên chế là 30 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí: định mức phân bổ theo biên chế là 45 triệu đồng/biên chế/năm

3.8.4. Đối với hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Khoán kinh phí hoạt động cho các hợp đồng lao động với kinh phí phân bổ là 10 triệu đồng/người/năm

- Khoán kinh phí cho các đối tượng hợp đồng lao động (gồm các khoản bảo hiểm, đóng góp) tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và các đơn vị sự nghiệp y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường) như sau:

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động là 7 triệu đồng/người/tháng.

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động lái xe là 9,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Các hợp đồng lao động trong các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được phân bổ thêm 30% so với kinh phí khoán nêu trên.

+ Đối với cấp xã:

++ Hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phân bổ kinh phí theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

++ Hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính nhà nước được phân bổ theo định mức tối đa 01 hợp đồng lao động lái xe và 04 hợp đồng lao động (gồm bảo vệ, phục vụ).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

- Nguồn lực thực hiện: nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương.

- Thời gian trình thông qua: kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2025.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Ủy ban nhân dân kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đính kèm*)./.

(*Đính kèm:*

- *Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.*

- *Báo cáo thẩm định số 235/BC-STP ngày 02/12/2025 của Sở Tư pháp.*

- *Bảng tổng hợp ý kiến góp ý và tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính*)

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TN, HL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên